

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH
Số: 01/2021/QĐST- DS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 212, 213 và khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các các Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 285, Điều 290, Điều 342, Điều 343, Điều 348, Điều 351, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005; các Điều 357, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm c, d khoản 2 điều 24; điểm đ khoản 1 điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam;

Căn cứ khoản 2, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2020/TLST - DS ngày 15 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng S; Địa chỉ: đường N, phường 8, quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Đình H, Sinh năm 1966; Chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh H (Văn bản ủy quyền số 152/2019/GUQ-CNHT ngày 30/12/2019 và số 66/2020/GUQ-CNHT ngày 31/12/2020)

Bị đơn: 1. Ông Dương Công T, sinh năm 1982; Trú tại: Thôn H, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1982; Trú tại: Thôn H, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đỗ Thị H: Anh Dương Công T, sinh năm 1982; Trú tại: thôn Thôn H, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. (giấy ủy quyền ngày 08/01/2021)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngày 05/9/2016 ông Dương Công T và bà Đỗ Thị H ký hợp đồng tín dụng số LD1624900421 vay Ngân hàng S số tiền 200.000.000 đồng; mục đích vay: Sửa nhà; thời hạn vay: 180 tháng; lãi suất vay: 12 tháng đầu tiên 10%/năm, tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 13 trở đi lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiền kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ + biên độ 3.5%/năm, được điều chỉnh 03 tháng 1 lần; phương thức trả nợ: Vốn gốc và lãi trả góp hàng tháng theo dư nợ giảm dần, kỳ trả vốn lãi: là ngày 10 hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay ông Dương Công T và bà Đỗ Thị H đã thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 813, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: Xóm H, xã T (nay là xã Đ), thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích 230,5m² đã được UBND thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AM359560 ngày 30/01/2008 mang tên ông Dương Công T và bà Đỗ Thị H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông T và bà H đã thanh toán 39.996.000 đồng tiền vốn gốc và 59.720.271 đồng tiền lãi. Đến kỳ trả nợ từ 09/2019 ông T và bà H không còn thanh toán vốn lãi nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định Ngân hàng Nhà nước.

Tính đến ngày 07/01/2021 ông Dương Công T và bà Đỗ Thị H còn nợ Ngân hàng S 187.725.338 đồng. Trong đó: nợ gốc: 160.004.000 đồng; Lãi trong hạn: 23.226.228 đồng; Lãi quá hạn: 4.495.111 đồng.

Ngoài ra, ông Dương Công T còn có dư nợ thẻ tín dụng cá nhân theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký ngày 22/9/2016 với tổng số tiền (gồm tiền vốn gốc và tiền lãi, phí phát sinh đến ngày 07/01/2021) là 8.043.072 đồng (Trong đó: Dư nợ vốn gốc 5.982.720 đồng và lãi phát sinh là 2.060.352 đồng).

Ông Dương Công T và bà Đỗ Thị H có nghĩa vụ phải trả nợ cho Ngân hàng nợ gốc, lãi của hai hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 07/01/2021 là 195.768.410 đồng (Trong đó: Nợ vay theo hợp đồng tín dụng: 187.725.338 đồng (gồm dư nợ gốc: 160.004.000 đồng; Lãi trong hạn: 23.226.228 đồng; Lãi quá hạn: 4.495.111 đồng); Nợ vay qua thẻ tín dụng: 8.043.072 đồng và tiếp tục chịu lãi suất trong hạn, lãi quá hạn và các chi phí phát sinh theo đúng thỏa thuận trong hai Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 08/01/2021 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

Ngân hàng S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền

với đất tại thửa đất số 813, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: Xóm H, xã T (nay là xã Đ), thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích 230,5m² đã được UBND thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AM359560 ngày 30/01/2008 mang tên ông Dương Công T và bà Đỗ Thị H.

*Về án phí: Ông Dương Công T và bà Đỗ Thị H phải chịu 4.894.210 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng S 4.380.000 đồng tiền tạm ứng phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001526 ngày 15/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTPHT;
- THADSTPHT;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HS-VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Đức Chính